ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ BỒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 967 /QĐ-UBND	*Trà Bồng, ngày 26 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
Công trình: Cải tạo thủy lợi Suối Nguyên
Địa điểm xây dựng: xã Trà Hiệp, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ BỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/202;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi bổ sung Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 16/01/2021 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hương dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định một số nội dung về việc Công bố các Bộ đơn giá dự toán: Xây dựng công trình; Lắp đặt hệ thống kỹ thuật; Sưar chữa và bảo dưỡng công trình xây dựng; Khảo sát xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 01/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án đối với một số dự án áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 3783/QĐ-UBND ngày 21/8/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các dự án khởi công mới năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 4624/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 4625/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ chi tiết Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Theo đề nghị của UBND xã Trà Hiệp tại Tờ trình số 33/TTr-UBND ngày 21/3/2025; Kết quả thẩm định của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Công văn số 19/KQTĐ-KT&HT ngày 20/3/2025 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình: Cải tạo thủy lợi Suối Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình: Cải tạo thủy lợi Suối Nguyên với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Cải tạo thủy lợi Suối Nguyên.

2. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án: Dự án nhóm C; Loại: Công trình Nông nghiệp và PTNT; cấp IV.

3. Địa điểm xây dựng: xã Trà Hiệp, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Người quyết định đầu tư: UBND huyện Trà Bồng.

5. Chủ đầu tư: UBND xã Trà Hiệp.

6. Tổ chức lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổ chức lập khảo sát xây dựng; tổ chức tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công: Công ty TNHH MTV xây dựng 02/10.

7. Nhà thầu thẩm tra: Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng Hoàng Phú.

8. Mục tiêu dự án:

Cải tạo thủy lợi Suối Nguyên nhằm khắc phục hư hỏng, nhằm đảm bảo việc tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp. Từng bước hoàn thiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

9. Quy mô xây dựng công trình:

9.1. Đập đầu mối:

- Nạo vét thượng lưu đập đầu mối.

- Gia cố trùm 2 lớp BTCT M300 dày 20cm bao quanh đập hiện trạng, khoan neo thép D12, cách khoản 50cm vào đập hiện trạng trước khi đổ bê tông.

- Thay mới ván phai, lưới chắn rác bị hư hỏng.

9.2. Kênh bê tông cốt thép:

- Làm mới mương bê tông cốt thép kích thước BxH=(40x50)cm không đậy đan có giằng các đoạn từ K0+775,76-K1+5,79.

- Kết cấu kênh BxH=(40x50)cm BTCT mác 200 đá 1x2 với chiều dày đáy kênh và tường kênh 10cm.

9.3. Kênh ống thép tráng kẽm:

- Ống thép tráng kẽm DN200 dày 4mm, có mố trụ đỡ bằng BTCT M200 đá 1x2 từ K0+13,09-K0+775,76; K0+0,00-K0+33,99 (tuyến nhánh) và K0+0,00 -K0+34,70 (tuyến nhánh).

9.4. Công trình trên kênh:

- Cống qua đường: Làm mới 03 cống qua đường tại K0+276,5; K0+350,0; K0+998,50 với L=4m. Kết cấu cống qua đường bằng BTCT M200 đá 1x2.

- Bể lắng cát: Làm mới 05 bể lắng cát tại K0+270,71; K0+488,67; K0+705,59; K0+33,99(tuyến nhánh) và K0+33,99 (tuyến nhánh). Kết cấu bể lắng cát bằng BTCT M200 đá 1x2.

- Cống tưới: Làm mới 02 cống tưới tại K0+836,32; K0+950,44. Kết cấu cống tưới bằng BT M200 đá 1x2.

- Dốc nước + Tiêu năng: Làm mới 01 dốc nước tiêu năng tại K0+916,00. Kết cấu bằng BTCT M200 đá 1x2.

(Nội dung chi tiết theo Hồ sơ thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của Phòng Kinh tế và Hạ tầng kèm theo Công văn số 19/KQTĐ-KT&HT ngày 20/3/2025).

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- QCVN 04-05: 2012/BNNPTNT công trình thuỷ lợi – các quy định chủ yếu về thiết kế;

- QCVN 04-01: 2012/BNNPTNT Thành phần, nội dung lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư và báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án thuỷ lợi;

- TCVN 8478:2010 công trình thuỷ lợi – yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án thiết kế;

- TCVN 4253:2012 nền các công trình thuỷ công – tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 4118:2012 công trình thuỷ lợi – hệ thống tưới tiêu – yêu cầu thiết kế;

- 14 TCN 54-87: Quy trình thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thuỷ công;

- TCVN 4118:2012 công trình thuỷ lợi – hệ thống tưới tiêu;

- TCVN 4116: 85: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công. Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 8223: 2009: Công trình thủy lợi. Các quy định chủ yếu về đo địa hình, xác định tim kênh và công trình trên kênh;

- TCVN 8224: 2009: Công trình thủy lợi. Các quy định chủ yếu về lưới khống chế mặt bằng địa hình;

- TCVN 8225: 2009: Công trình thủy lợi. Các quy định chủ yếu về lưới khống chế cao độ địa hình địa hình;

- TCVN 8226: 2009: Công trình thủy lợi. Các quy định chủ yếu về khảo

sát mặt cắt và bình đồ địa hình các tỷ lệ: 1/200 đến 1/5000;

- Một số các quy trình, quy phạm khảo sát, thiết kế, thi công và nghiệm thu khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư: 1.500.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng)*. Trong đó:

Chi phí xây dựng:	1.348.837.793	đồng
Chi phí quản lý dự án:	24.978.478	đồng
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	106.652.595	đồng
Chi phí khác:	14.246.000	đồng
Chi phí dự phòng:	5.285.135	đồng

(cụ thể chi tiết có Bảng dự toán kèm theo)

12. Tiến độ thực hiện dự án: 2025 - 2026.

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Nội dung khác: Công trình thực hiện áp dụng theo cơ chế đặc thù.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Căn cứ kết quả được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, UBND xã Trà Hiệp có trách có trách nhiệm tổ chức quản lý, triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng; thực hiện quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt; sớm đưa dự án vào khai thác có hiệu quả. Thực hiện các nội dung theo kiến nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Công văn số 19/KQTĐ-KT&HT ngày 20/3/2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Thủ trưởng các Phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Dân tộc và Tôn giáo, Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XII; Chủ tịch UBND xã Trà Hiệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- CT, các PCT. UBND huyện;
- VP. HĐND và UBND: CPVP(MN), CVMN;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ BỒNG T. QUẢNG NGÃI

Trần Hoàng Vĩnh